

CÔNG TY TNHH XD - TM HƯỜNG THANH BÌNH

VP: 266 Đường Lê Cơ, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. HCM.

FAX : (028) 62605998 - TEL: (028) 37555461 - 098.30.40.567 - Email: htbsteel@gmail.com

HỒ SƠ BẢO GIÁ

DỰ ÁN:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT

ĐỊA ĐIỂM:

LÔ E5, ĐƯỜNG SỐ 9, CCN HẢI SƠN ĐỨC HÒA ĐÔNG, XÃ ĐỨC HÒA ĐÔNG,
HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CP SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THOM FOODS

CÔNG TY TNHH XD - TM HƯƠNG THANH BÌNH

HỒ SƠ BẢO GIÁ

DỰ ÁN:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT

ĐỊA ĐIỂM:

LÔ E5, ĐƯỜNG SỐ 9, CCN HẢI SƠN ĐỨC HÒA ĐÔNG, XÃ ĐỨC HÒA ĐÔNG, HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CP SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS

GIÁ TRỊ BẢO GIÁ CHO GÓI THẦU:

10,908,000,000

VND (Bao gồm VAT)

(Giá trị nêu trên là tạm tính, thanh toán dựa theo khối lượng thi công thực tế với đơn giá cố định. Chi tiết mời xem bảng phụ lục đính kèm)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CP SẢN XUẤT THỰC PHẨM

NGỌC THƠM FOODS



Ngọc Thơm

CÔNG TY TNHH XD - TM HƯƠNG THANH BÌNH



Nguyễn Văn Cường

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ THỊ CỘNG

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CP SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS

NHÀ THẦU: CÔNG TY TNHH XD-TM HƯỜNG THANH BÌNH

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (VND)	GHI CHÚ
1	HÀNG MỤC: NHÀ XƯỞNG CHÍNH	gói	1.00	3,912,349,374	
2	HÀNG MỤC: SÀN LỬNG	gói	1.00	1,832,369,614	
3	HÀNG MỤC: NHÀ VÁN PHÒNG	gói	1.00	2,305,902,438	
4	HÀNG MỤC: PHỤ TRỢ	gói	1.00	2,188,984,448	
	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ			10,239,605,875	
	GIẢM GIÁ CHỦ ĐẦU TƯ			139,605,875	
	TỔNG CỘNG SAU KHI GIẢM GIÁ			10,100,000,000	
	THUẾ VAT 8%			808,000,000	
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ			10,908,000,000	

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng tổng	Đơn giá	Thành tiền
	CCLĐ cửa thoát hiểm, khung bao thép hộp, bọc tole phẳng dày 1 ly, bọc 2 mặt (Cửa 1 cánh, gồm 3 bộ)	m2	8.50	2,800,000	23,800,000
	CCLĐ cửa thoát hiểm, khung bao thép hộp, bọc tole phẳng dày 1 ly, bọc 2 mặt (Cửa 2 cánh, gồm 2 bộ)	m2	12.25	2,800,000	34,300,000
	CCLĐ cửa số 4 cánh lùa, khung bao nhôm TungShin (hệ 700), kính trắng cường lực dày 5mm.	m2	4.50	1,370,000	6,165,000
	CCLĐ cửa cuốn lá sắt dày 0.9mm, motor tự động. KT 5x4 gồm 2 bộ. KT 5x4.5 gồm 2 bộ. KT 2.5x4.5 gồm 1 bộ	m2	96.25	1,250,000	120,312,500
	PHẦN KẾT CẤU THÉP				1,339,717,241
	Gia công khung kèo thép I (Mác thép SS400)	kg	21,720.97	20,500	445,279,884
	Gia công xà gò mái C200*50*15*1.8mm (Z80-G350)	kg	8,860.13	22,000	194,922,906
	Làm sạch khung kèo bằng phun bi SA 2.0	kg	21,720.97	400	8,688,388
	Sơn cột, kèo bằng sơn Ankyd Thiên Sơn Hà	m2	685.60	50,000	34,280,165
	Tole mái màu 5 sóng (Việt Nhật) dày 0.45mm	m2	2,033.94	129,398	263,188,079
	Tole phẳng ốp nóc	m	75.60	84,600	6,395,760
	CCLĐ cách nhiệt túi khí mái 2 mặt nhôm A2	m2	2,033.94	45,000	91,527,408
	Tole lấy sáng vách dày 1.2mm	m2	101.40	215,000	21,801,000

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng tổng	Đơn giá	Thành tiền
	Tole vòm 5 sóng (Việt Nhật) dày 0.45mm	m2	123.75	120,000	14,849,568
	Viên	m	128.74	84,600	10,891,066
	Vật tư phụ: bulon, ốc vít các loại	m2	66.90	42,000	2,809,800
	Vận chuyển khung thép, xà gỗ	kg	1,291.36	350	451,977
	Lắp dựng khung kèo, xà gỗ	kg	1,291.36	3,000	3,874,088
	BÁN MÁI 2.5m				32,072,380
	Khung dầm thép I (Mác thép SS400)	kg	627.67	20,500	12,867,270
	Làm sạch khung kèo bằng phun bi SA 2.0	kg	627.67	400	251,069
	Xà gỗ C200*50*15*1.8mm, (Z80-G350)	kg	250.57	22,000	5,512,498
	Sơn khung kèo bằng sơn Ankyd Thiên Sơn Hà	m2	58.42	50,000	2,920,835
	Tole vòm 5 sóng (Việt Nhật) dày 0.45mm	m2	34.26	124,000	4,247,942
	Viên	m	28.94	84,600	2,448,662
	Vật tư phụ: bulon, ốc vít các loại	m2	21.00	42,000	882,000
	Vận chuyển khung thép, xà gỗ	kg	878.24	350	307,384
	Lắp dựng khung kèo, xà gỗ	kg	878.24	3,000	2,634,719
	Tổng cộng				3,912,349,374

NOTE

* Giá trị nêu trên là tạm tính, thanh toán dựa theo khối lượng thi công thực tế với đơn giá cố định

- Báo giá chưa gồm:
- + Hệ thống PCCC
- + Hệ thống MEP
- + Bê XLNT.....



Trần Thị Thuần



Nguyễn Văn Cường

SẢN LƯỢNG BTCT HOẠT TẠI 1000KG/M2

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	* Công tác cột					
	Ván khuôn cột	m2	234.75	175,000	41,081,600	
	Bê tông cột, M300	m3	23.48	1,538,600	36,118,943	
	Cốt thép cột	kg	8,062.00	20,580	165,915,960	
	* Công tác dầm					
	Ván khuôn dầm	m2	530.55	245,000	129,985,730	
	Bê tông dầm, M300	m3	74.44	1,538,600	114,540,769	
	Cốt thép dầm	kg	12,509.28	20,580	257,440,982	
	* Công tác sàn					
	Ván khuôn sàn	m2	455.62	245,000	111,627,292	
	Bê tông sàn, M300	m3	88.30	1,538,600	135,859,611	
	Cốt thép sàn	kg	11,491.00	20,580	236,484,780	
	* Công tác cầu thang					
	Ván khuôn cầu thang	m2	14.11	245,000	3,456,950	
	Cốt thép cầu thang	kg	300.96	20,580	6,193,757	
	Bê tông cầu thang đá 1x2, M250	m3	1.37	1,654,828	2,263,805	
	* Công tác bơm bê tông					
	Bơm bê tông lên sàn	m2	162.75	45,000	7,323,552	
	* Công tác xây					
	Xây bậc cầu thang, vữa XM mác 75	m3	0.78	2,361,600	1,846,771	
	* Công tác trát					
	Trát dầm Mác 75	m2	508.91	117,000	59,542,002	
	Trát trần Mác 75	m2	455.62	117,000	53,307,727	

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Trát cầu thang, Mác 75	m ²	11.40	238,563	2,719,622	
	* Công tác nền				-	
	Xoa nền	m ²	551.88	14,000	7,726,320	
	* Công tác lát, ốp				-	
	Lát đá granite bậc cầu thang	m ²	29.84	1,700,000	50,720,180	
	* Công tác bả và sơn				-	
	Bả bằg ma tít sơn nước vào cột	m ²	234.75	100,000	23,475,200	
	Bả bằg ma tít sơn nước vào dầm, trần	m ²	964.53	100,000	96,452,760	
	* Công tác cầu thang				-	
	Lan can kính cường lực, tay vịn Inox	m	22.80	1,500,000	34,200,000	
	Sắt bậc 3 li gân	kg	412.13	23,100	9,520,088	
	U200 làm vế thang	kg	738.00	23,100	17,047,800	
	[] 40*40*1.4 làm xương bậc thang	kg	21.00	23,100	485,100	
	Nhân công lắp đặt cầu thang	m	1.00	5,000,000	5,000,000	
NHÀ VỆ SINH TRÊN LỬNG						
	* Công tác cột				-	
	Ván khuôn cột	m ²	7.20	175,000	1,260,000	
	Bê tông cột	m ³	0.24	1,538,600	369,264	
	Cốt thép cột	kg	60.00	20,580	1,234,800	
	* Công tác xây				-	
	Xây tường dày 10cm, vữa XM mác 75	m ³	7.24	1,805,748	13,068,198	
	* Công tác trát				-	
	Trát tường, Mác 75	m ²	144.74	100,000	14,474,000	
	* Công tác nền				-	

Cán nền	m2	22.64	137,200	3,106,208	
Chống thấm Sika latex TH (2 lớp)	m2	22.64	220,000	4,980,800	
* Công tác lát, ốp				-	
Lát nền, sàn, Mác 75 (gạch Wc Ceramic nhám 300x300)	m2	22.64	340,000	7,697,600	
Ốp gạch tường, trụ, cột, Mác 75 cao 2.1m (gạch Wc granite 300x600)	m2	93.53	340,000	31,800,200	
* Công tác đóng trần thạch cao				-	
Đóng trần thạch cao chống âm khung xương chìm	m2	22.64	240,000	5,433,600	
Bả bột, sơn trần bằng 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	22.64	103,880	2,351,843	
* Công tác cửa				-	
Cửa đi 1 cánh khung nhôm TungShin (hệ 700), kính cường lực dày 5ly	m2	15.08	1,470,000	22,167,600	
* Thiết bị vệ sinh				-	
Hầm phân theo bản vẽ thiết kế: Diện tích (2.5x1,9)m gồm 1 cái.	cái	1.00	18,500,000	18,500,000	
CC, LD bồn cầu xí bột	cái	5.00	3,720,000	18,600,000	VF2397
CC, LD chậu tiểu nam, Xả tiểu nam	cái	2.00	3,480,000	6,960,000	VF6401, WF9802
CC, LD chậu rửa đôi (bao gồm vòi rửa, mặt bệ)	cái	2.00	18,100,000	36,200,000	

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	CC, LD hộp để giấy	cái	5.00	570,000	2,850,000	Inox
	CC, LD vòi xịt	cái	5.00	770,000	3,850,000	PQ2
	CC, LD kính 5ly trắng thủy loại lớn	cái	2.00	2,850,000	5,700,000	
	Thoát sàn	cái	8.00	240,000	1,920,000	
	* MEP				-	
	Đèn chiếu sáng 600*600 Sino	cái	4.00	970,000	3,880,000	
	Điện, nước sinh hoạt	m2	25.62	610,000	15,628,200	
				75,119,951	1,832,369,614	

NOTE

* Giá trị nêu trên là tạm tính, thanh toán dựa theo khối lượng thi công thực tế với đơn giá cố định



[Handwritten signature]



[Handwritten signature]

Trần Thị Thơm

Nguyễn Văn Cường

NHÀ VĂN PHÒNG

DIỆN TÍCH (8.4x7)(21,9 x8.4)(21,9x8.4)-chia phòng theo bản vẽ

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng tổng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Công tác cọc					
	Định vị tim cọc	cọc			-	
	Ép cọc bê tông ly tâm dự ứng lực D300, Mác 600 cọc dài 8m (Chiều dài tạm tính)	m			-	
	Cắt đầu cọc	cọc			-	
	Thép tâm bit đầu cọc dày 3mm	cọc			-	
	Cốt thép lồng cọc	kg			-	
	Bê tông lồng cọc	m ³			-	
	Công tác móng					
	Đào đất móng	m ³			-	
	Bê tông lót móng đá 1x2, M150	m ³			-	
	Bê tông móng đá 1x2, M250	m ³			-	
	Cốt thép móng	kg			-	
	Ván khuôn móng	m ²			-	
	* Công tác cổ cột					
	Bê tông cổ cột đá 1x2, M250	m ³			-	
	Cốt thép cổ cột	kg			-	
	Ván khuôn cổ cột	m ²			-	

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng tổng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	* Công tác bơm bê tông					
	Bơm bê tông lên sàn	m ³	109.48	45,000	4,926,384	-
	Phần xây tô					
	* Công tác xây					
	Xây tường dày 20cm, vữa XM mác 75	m ³	89.79	1,761,600	158,174,064	
	Xây tường dày 10cm, vữa XM mác 75	m ³	12.36	1,805,748	22,318,413	
	Xây bậc thang, bậc tam cấp gạch thẻ vữa mác 75	m ³	1.26	2,361,600	2,980,339	
	Lớp xà bần gạch ống đôn nền, vữa mác 75	m ³	11.50	1,650,000	18,970,875	
	Phần hoàn thiện					
	* Công tác trát					
	Trát tường, Mác 75	m ²	1,162.64	100,000	116,264,150	
	Trát cạnh cửa, cột, trụ vữa XM mác 75	m ²	77.24	117,000	9,037,080	
	Trát cầu thang vữa XM mác 75	m ²	20.90	117,000	2,445,300	
	Trát bỏ trụ, giằng tường, lanh tô vữa XM mác 75	m ²	10.80	117,000	1,263,694	
	Đắp gờ chỉ, phào trang trí cột mặt tiền	m				
	* Công tác láng nền, chống thấm:					
	Quét chống thấm sàn vệ sinh (2 lớp)	m ²	45.44	220,000	9,996,800	
	Cán nền sàn, vữa XM mác 75	m ²	437.48	137,200	60,022,256	
	Quét chống thấm sân thượng và hành lang (2 lớp)	m ²	262.80	220,000	57,816,000	
	* Công tác bả và sơn					

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng tổng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Bả bột vào tường	m2	1,162.64	29,400	34,181,660	
	Bả bột vào cột, dầm, cầu thang, lanh tô...	m2	108.94	29,400	3,202,860	
	Sơn tường đã bả matit bằng sơn, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	1,162.64	74,480	86,593,539	
	Sơn nước vào cột, dầm, cầu thang, lanh tô...	m2	108.94	74,480	8,113,911	
	* Công tác lát, ốp					
	Lát nền, sàn, Mác 75 (gạch granite 600x600)	m2	437.48	340,000	148,743,200	
	Lát nền, sàn, Mác 75 (gạch Wc Ceramic nhám 300x300)	m2	45.44	340,000	15,449,600	
	Ốp gạch chân tường, viên tường (gạch granite 120x600)	m2	61.59	340,000	20,940,600	
	Ốp gạch tường, trụ, cột, Mác 75 (gạch Wc granite 300x600)	m2	71.40	340,000	24,276,000	
	Lát bậc cửa bằng đá granite	m2	1.08	1,700,000	1,836,000	
	Lát bậc cầu thang đá granite	m2	24.67	1,700,000	41,939,000	
	* Thiết bị vệ sinh					
	CC, LD bồn cầu xí bột	cái	8.00	3,720,000	29,760,000	VF2397
	CC, LD chậu rửa đôi	cái	1.00	18,100,000	18,100,000	
	CC, LD chậu rửa đơn	cái	3.00	9,050,000	27,150,000	
	CC, LD hộp đựng giấy	cái	8.00	570,000	4,560,000	Inox
	CC, LD vòi xịt	cái	8.00	770,000	6,160,000	PQ2

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng tổng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	CC, LD kính 5ly trắng thủy loại lớn	cái	4.00	2,850,000	11,400,000	
	Thoát sàn	cái	10.00	240,000	2,400,000	
	Hầm phân theo bản vẽ thiết kế: Diện tích (6x1,7)m gồm 1 cái.	cái	1.00	35,000,000	35,000,000	
	* MEP				-	
	Đèn chiếu sáng 600*600 Sino	cái	69.00	970,000	66,930,000	
	Điện, nước sinh hoạt	m2	378.81	610,000	231,074,100	
	* Công tác đóng trần thạch cao				-	
	Đóng trần thạch cao chống ẩm khung xương chìm (W/c)	m2	55.64	240,000	13,353,600	
	Đóng trần thạch cao khung xương chìm	m2	437.48	180,000	78,746,400	
	Bả bột, sơn trần bằng 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	493.12	103,880	51,225,306	
	* Công tác cung cấp & lắp dựng				-	
	CCLD cửa đi 01 cánh mở, khung nhôm	m2	17.81	1,470,000	26,180,700	
	TungShin (hệ 700) kính mờ dày 5ly					
	CCLD cửa đi 01 cánh mở, khung nhôm	m2	2.60	1,470,000	3,822,000	
	TungShin (hệ 700) kính trắng cường lực dày 5ly					
	CCLD cửa đi 02 cánh mở, khung nhôm	m2	12.48	1,470,000	18,345,600	
	TungShin (hệ 700) kính trắng cường lực dày 5ly					

PHỤ TRỢ

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá tổng hợp	Thành tiền (VNĐ)
A	HÀNG RÀO				633,115,000
	Hàng rào loại I (mặt tiền): Móng cọc BTCT tiết diện 250x250, Mác 250 dài 5m; Tường xây gạch ống dày 100 cao hoàn thiện 0,8m; chiều cao cột BTCT hoàn thiện 2,4m; Sơn nước; Phía trên khung thép vuông, sơn dầu.	m	246.10	2,150,000	529,115,000
	Hàng rào loại 2: Móng cọc BTCT tiết diện 250x250, Mác 250 dài 5m; Cột BTCT, tường xây gạch Block cao 2,4m	m			-
	Cọc dự kiến (bao nhiêu tím) x 8m	m			-
	Trụ công (Bao gồm móng cọc BTCT + xây gạch + ốp đá tự)	cái	2.00	14,000,000	28,000,000
	Ốp đá bằng hiệu	cái	1.00	16,000,000	16,000,000
	Cửa công - Công xếp hợp kim nhôm cao 1.6m	m	10.00	4,500,000	45,000,000
	Moter cửa công (Đã bao gồm phụ kiện).	cái	1.00	15,000,000	15,000,000
	TỔNG				-
B	NHÀ BẢO VỆ TRÊN NẮP BẾ 3.7m x 3m				66,037,183
	* Công tác cột				-
	Ván khuôn cột	m2	9.92	175,000	1,736,000
	Bê tông cột, M250	m3	0.50	1,488,600	738,346
	Cốt thép cột	kg	79.36	20,580	1,633,229
	* Công tác dầm				-

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá tổng hợp	Thành tiền (VNĐ)
	Ván khuôn dầm	m2	10.40	245,000	2,548,000
	Bê tông dầm, M250	m3	0.78	1,488,600	1,161,108
	Cốt thép dầm	kg	124.80	20,580	2,568,384
	* Công tác sàn				-
	Ván khuôn sàn	m2	7.90	245,000	1,935,500
	Bê tông sàn, M250	m3	0.84	1,488,600	1,250,424
	Cốt thép sàn	kg	71.40	20,580	1,469,412
	* Công tác lanh tô, ô văng				-
	Ván khuôn lanh tô	m2	4.00	175,000	700,000
	Cốt thép lanh tô	kg	25.00	20,580	514,500
	Bê tông lanh tô đá 1x2, M200	m3	0.20	1,438,600	287,720
	* Công tác bơm bê tông				-
	Bơm bê tông lên sàn		1.62	45,000	72,900
	Phần xây tô	m3	-		-
	* Công tác xây				-
	Xây tường dày 10cm, vữa XM mác 75	m3	3.24	1,805,748	5,843,401
	* Công tác trát				-
	Trát tường, Mác 75	m2	64.72	100,000	6,472,000
	Trát trụ, cột, má cửa, Mác 75 XM PCB40	m2	16.52	117,000	1,932,840
	Trát lanh tô vữa XM mác 75	m2	4.00	117,000	468,000
	* Công tác bả và sơn				-
	Bả bảng ma tít sơn nước vào tường	m2	64.72	100,000	6,472,000
	Bả bảng ma tít sơn nước vào cột	m2	9.92	100,000	992,000
	* Công tác lát, ốp				-

NHÀ THẦU HỖ TRỢ CHỦ ĐẦU TƯ

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng tổng	Ghi chú
1	Máy bơm nước (PANASONIC)	Cái	2	Hường Thanh Bình hỗ trợ
2	Xây chân tường gạch trong nhà xưởng theo chân Panel trong bản vẽ công nghệ (dài khoảng 100m, cao 20 cm)	Cái	1	Hường Thanh Bình hỗ trợ



Trần Thị Thơm



Nguyễn Văn Cường

